

Bản án số: 99/2020/DSST

Ngày: 24-12-2020

*V/v tranh chấp Hợp đồng vay tài sản giữa  
Hoàng Thị Lan và Nguyễn Trọng Phan*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ ĐỨC - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Bùi Thị Hồng**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Sơn

Ông Lê Mạnh Nhanh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Duy Quang- Thư ký tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội** tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Lan** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 94/2020/TLST-DSST ngày 19 tháng 10 năm 2020 về: “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXX-ST ngày 24 tháng 11 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020-QĐST-DS ngày 10/12/2020 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Hoàng Thị L, sinh năm 1965.

Nơi cư trú: Đội ... , TDP Tề T, thị trấn Đại Ngh, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Trọng Ph, sinh năm 1979

Nơi thường trú: Đội ..., thôn Hà X, xã Đại H, huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, bị đơn có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các lời khai tại Tòa án, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có nội dung như sau:**

Nguyên đơn trình bày: Do có quen biết với ông Nguyễn Trọng Ph nên Bà L có cho ông Ph vay tiền nhiều lần, ông Ph trả rồi lại vay. Đến ngày 20/9/2019, Bà L đã cho ông Ph vay số tiền là 110.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng (từ ngày 20/9/2019 đến ngày 20/12/2019). Đến ngày 12/10/2019 ông Ph lại vay thêm của Bà L số tiền 55.000.000 đồng, thời hạn vay từ ngày 12/10/2019 đến ngày 05/11/2019. Tổng số tiền vay là 165.000.000 đồng. Việc vay nợ có lập thành văn bản là các giấy vay tiền do ông Ph viết và ký nhận đã nhận đủ các số tiền trên. Ông Ph vay với mục đích cá nhân, lãi suất cho vay do hai bên thỏa thuận miệng là 4,5%/tháng. Đến thời hạn thanh toán tiền ông Ph cứ khát lần, hết lần này đến lần khác, cố tình trây ỳ không trả được khoản tiền gốc và lãi cho Bà L kể từ ngày vay đến nay.

Nay Bà L yêu cầu Tòa án buộc ông Ph phải trả số nợ tiền gốc là: 165.000.000 đồng và lãi suất chậm trả từ ngày 12/10/2019 đến ngày 12/11/2020 là 13 tháng  $\times 2.5\%$ / tháng = 53.625.000 đồng. Tổng khoản nợ cả gốc và lãi là: 165.000.000 + 53.625.000 đồng.

Về tài liệu Bà L xuất trình: Gồm 02 giấy vay tiền ngày 20/9/2019 và ngày 12/10/2019 có chữ ký nhận tiền của ông Ph và 01 bằng cử nhân quản lý giáo dục của ông Nguyễn Trọng Ph.

Ông Nguyễn Trọng Ph trình bày: Ông Ph thừa nhận có việc ký nhận tiền và viết vào các giấy vay nợ trên nhưng thực chất giấy vay nợ ngày 20/9/2019 ông Ph chỉ vay nợ có 30.000.000 đồng, và giấy vay nợ ngày 12/10/2019 ông Ph chỉ vay có 25.000.000 đồng. Tổng cả 02 lần vay là 55.000.000 đồng. Nhưng Bà L yêu cầu ông Phải ghi số nợ đủ như trong giấy vay Bà L trình bày thì Bà L mới cho vay. Do cần tiền nên ông Ph cũng ký giấy nợ với số tiền vay cả hai lần là 165.000.000 đồng. Việc thỏa thuận vay nợ giữa ông và Bà L chỉ có mình Bà L với ông biết, không có ai chứng kiến và làm chứng về việc vay này. Về lãi suất ông Ph trình bày có thỏa thuận miệng với mức lãi suất là 3.000đồng/triệu/ngày (Tức bằng 9%/tháng). Ông Ph đã thanh toán được 05 tháng lãi cho Bà L và trả thêm cho Bà L được 20.000.000 đồng tiền gốc. Tuy nhiên những lần trả lãi và gốc này ông Ph khai không có tài liệu nào để chứng minh.

Tại phiên tòa: Bà L vẫn giữ nguyên quan điểm, yêu cầu ông Ph trả nguyên gốc là 165.000.000 đồng và về lãi trong hạn, quá hạn đề nghị Tòa án xem xét giải quyết buộc ông Ph trả lãi cho bà đối với 02 khoản vay trên theo quy định của pháp luật.

Ông Ph vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày, tại phiên tòa không xuất trình được tài liệu chứng cứ nào nên đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật, ông đề nghị Bà L trả lại cho ông 01 bằng cử nhân quản lý giáo dục và 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Ph do khi vay Bà L yêu cầu ông nộp để làm căn cứ cho vay tiền.

Phía Bà L trình bày: Khi cho vay 02 khoản vay trên Bà L có yêu cầu ông Ph đưa 01 bằng cử nhân giáo dục quốc Phòng để làm tin, còn giấy chứng nhận mang tên ông Ph Bà L có cầm của ông Ph là để làm tin trong các giao dịch khác

với ông Ph chứ không liên quan trong 02 khoản vay này. Nên không đề nghị giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án đã làm đúng quy trình tố tụng, không có vi phạm gì, đã xác định đúng tư cách của đương sự, giải quyết đúng thời hạn của vụ án, nguyên đơn, bị đơn cơ bản chấp hành đúng quy định tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục, quy trình và thực hiện xét xử công khai khách quan.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận yêu cầu của Bà Hoàng Thị L buộc ông Ph phải trả số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn theo quy định pháp luật kể từ ngày vay cho đến khi thanh toán trả hết nợ.

Ông Nguyễn Trọng Ph phải chịu áp phí DSST theo quy định

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Mỹ Đức nhận định:

#### **1. Về nội dung yêu cầu khởi kiện:**

1.1/ Về khoản vay: Bà L có yêu cầu trả nợ theo 02 giấy viết tay vay tiền do ông Ph tự tay viết đều là giấy vay nợ có kỳ hạn và có lãi theo thỏa thuận miệng không ghi trong giấy vay. Bà L và yêu cầu ông Ph phải trả khoản và gốc và lãi này cho Bà L.

Xét tính hợp pháp của các giấy vay này. Ông Ph cho rằng thực chất ông chỉ được nhận số tiền ông Ph vay là 55.000.000 đồng chứ không được nhận số tiền ghi trong 02 giấy vay có tổng tiền là 165.000.000 đồng. Nhưng ông Ph không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh việc nhận tiền thực tế của mình. Mặt khác trong các giấy vay nợ, ông Ph thừa nhận: Tay ông Ph ký nhận và ghi rõ đã nhận đủ các số tiền đã ghi trong giấy vay tiền do Bà L xuất trình. Do vậy HĐXX xác định số tiền của ông Ph vay Bà L được căn cứ vào giấy vay tiền ngày 20/9/2019 và giấy vay tiền ngày 12/10/2019. Yêu cầu khởi kiện đòi số tiền 165.000.000 đồng của Bà L được chấp nhận là phù hợp với quy định của điều 463, 466, 470 BLDS 2015.

-1.2/ Về lãi suất và tiền lãi: Trong các giấy vay không ghi mức lãi suất các bên áp dụng là bao nhiêu, trong quá trình giải quyết vụ án các bên đều thừa nhận việc vay nợ trên là có lãi. Mức lãi suất theo thỏa thuận miệng nên HĐXX cần chấp nhận yêu cầu được tính lãi của Bà L. Trong quá trình giải quyết vụ án các bên khai không thống nhất được mức lãi suất nên HĐXX cần áp dụng quy định tại khoản 2 điều 468 BLDS là 10%/năm để xem xét mức lãi suất cho phù hợp

pháp luật. Hết thời hạn của 02 khoản vay trên, ông Ph không trả gốc và đồng lãi nào nên khoản vay này Bà L có yêu cầu tính lãi quá hạn kể từ ngày xác lập hợp đồng là có căn cứ chấp nhận và được chuyển sang lãi quá hạn tối đa = 150% lãi suất trong hạn và bằng 15%/năm (bằng 1.25%/tháng). Cụ thể tiền lãi được tính như sau:

+ Đối với khoản vay ngày 20/9/2019 tính đến ngày xét xử 24/12/2020 làm tròn là 15 tháng: Số tiền là 110.000.000 đồng x 1.25%/(tháng) x 15(tháng) = 20.625.000 đồng.

+ Đối với khoản vay ngày 12/10/2019 tính đến ngày xét xử 24/12/2020 làm tròn là 14 tháng: Số tiền là 55.000.000 đồng x 1.25%/(tháng) x 14 (tháng) = 9.625.000 đồng.

Ông Ph trình bày đã trả Bà L được 20.000.000 đồng tiền gốc và 05 tháng lãi theo thỏa thuận nhưng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc ông Ph đã trả các khoản tiền trên cho Bà L. Vì vậy cần buộc ông Ph phải trả cho Bà L các khoản tiền nguyên gốc là 165.000.000 đồng + tiền lãi 20.625.000 đồng + 9.625.000 đồng = 195.250.000 đồng. ( Một trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm lăm mươi nghìn đồng).

Về yêu cầu của ông Ph đề nghị Bà L trả lại cho ông Ph 01 bằng cử nhân giáo dục Quốc phòng mang số hiệu 915143 cấp năm 2015 của trường đại học sư phạm Hà Nội. Xét thấy yêu cầu này cả ông Ph được chấp nhận vì giao dịch bảo đảm này trái pháp luật. (Bằng cử nhân giáo dục Quốc phòng không phải là giấy tờ tài sản bảo đảm).

2. Về án phí: Ông Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 9.762.500 đồng.

Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền 4.125.000đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002962 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 463, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 1 điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

#### **Xử:**

1- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Hoàng Thị L về việc khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Buộc ông Nguyễn Trọng Ph phải trả Bà Hoàng Thị L tổng số tiền cả gốc và lãi đối với 02 giấy nhận tiền lập ngày: 20/9/2019 và giấy vay lập ngày 12/10/2019 là: **195,250,000** ( Một trăm chín mươi lăm triệu, hai trăm lăm mươi nghìn đồng). Trong đó: Nợ gốc: 165,000,000

đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu đồng); Nợ lãi: 30.250.000 (Ba mươi triệu hai trăm lăm mươi nghìn đồng)

2- Buộc Bà L trả lại cho ông Ph 01 bằng cử nhân giáo dục Quốc phòng mang số hiệu 915143 cấp năm 2015 của trường Đại học sư phạm Hà Nội.

3- Về án phí: Ông Ph phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là **9,762,500** đồng.

Hoàn trả cho Bà Hoàng Thị L số tiền 4.125.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0002962 ngày 19/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Đức, TP. Hà Nội.

4- Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

5- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6- Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Mỹ Đức;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Đức;
- Dương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà**

**Bùi Thị Hồng**

